

Bản án số: 206/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhanh.
2. Bà Nguyễn Thị Nở.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Khương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/9/2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nông Đỗ Thu T, sinh năm 1989; Địa chỉ: 87/19 TĐX, phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phạm Quỳnh Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: 05 Potomac CT Springfield QLD, Au.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2021, bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn Bà Nông Đỗ Thu T trình bày:

Bà và Ông Lê Phạm Quỳnh Th tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 135/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được 01 năm tại Việt Nam thì cùng nhau sang Au sinh sống, lao động, học tập. Tuy nhiên, khi sang Au thì vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do công việc không thuận lợi, quan điểm sống khác nhau, dù đã cố gắng

cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng không đạt được kết quả. Năm 2019, bà trở về Việt Nam sinh sống, làm việc, còn Ông Lê Phạm Quỳnh Th vẫn sống ở Au. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Lê Phạm Quỳnh Th để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nông Đỗ Thu T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Đỗ Thu T khai không có.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 587/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Au thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thời gian xét xử đối với Ông Lê Phạm Quỳnh Th.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2021 đã được Tổng Lãnh sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Sydney, Au chứng nhận số 48/22 ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị đơn Ông Lê Phạm Quỳnh Th trình bày: Ông và Bà Nông Đỗ Thu T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 135/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/7/2015. Sau khi kết hôn, sống chung được 01 năm tại Việt Nam hạnh phúc rồi cùng nhau sang Au sinh sống, lao động và học tập. Tuy nhiên, khi sang Au thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do công việc không thuận lợi, quan điểm sống khác nhau, dù đã cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng không đạt được kết quả. Năm 2019, bà T trở về Việt Nam sinh sống còn ông vẫn sống ở Au. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn để mỗi người có điều kiện ổn định cuộc sống của mỗi người.

Về con chung: Ông Lê Phạm Quỳnh Th khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Phạm Quỳnh Th khai không có.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, Bà Nông Đỗ Thu T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án, bận công việc, không có điều kiện đến Tòa án để giải quyết vụ án theo đúng thời gian Tòa án triệu tập.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Ông Lê Phạm Quỳnh Th có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án do hiện nay ông đang ở Au, điều kiện kinh tế khó khăn, không có điều kiện về Việt Nam để có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Nông Đỗ Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Lê Phạm Quỳnh Th. Bị đơn hiện đang cư trú tại 05 Potomac CT Springfield QLD, Au. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 135/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/7/2015, có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nông Đỗ Thu T và Ông Lê Phạm Quỳnh Th là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của bà T và Ông Th đều đồng ý ly hôn để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, bà T và Ông Th đều muốn ly hôn nhưng do Ông Th không về Việt Nam nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Các đương sự khai không có.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0094832 ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Bà T đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Nông Đỗ Thu T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Lê Phạm Quỳnh Th thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nông Đỗ Thu T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Đỗ Thu T được ly hôn với Ông Lê Phạm Quỳnh Th.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường NCT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/7/2015 cấp cho Bà Nông Đỗ Thu T và Ông Lê Phạm Quỳnh Th không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Nông Đỗ Thu T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0094832 ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà T đã nộp đủ.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Nông Đỗ Thu T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Lê Phạm Quỳnh Th thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Nhanh**

**Nguyễn Thị Nở**

**Ngô Thị Kim Khánh**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND phường NCT, Quận A, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Khánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Khánh**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND huyện Củ Chi, TPHCM;
- Đường sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Khánh**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 29 tháng 5 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quang Việt và Bà Lê Thị Nhung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2019 về “tranh chấp ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mai Khanh; sinh năm 1975; Địa chỉ: 33/2 Ông Ích Khiêm, Phường 10, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Juan Luis Sias; sinh năm 1949; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: 1219 Meade Avenue Prosser, WA 99350, Hoa Kỳ.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Biểu quyết : 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mai Khanh.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mai Khanh được ly hôn với ông Juan Luis Sias.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 52 do Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/4/2016 cho bà Huỳnh Thị Mai Khanh và ông Juan Luis Sias không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mai Khanh phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008236 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Khanh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 50 phút ngày 29 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Khánh**